|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số: 203 /TTr-UBND |  *Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 7 năm 2019* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thông qua Nghị quyết quy định một số**

 **chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện chương trình, nội dung Kỳ họp thứ 10, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020.

Kết quả giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2018 đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra (4/4 mục tiêu, 8/8 chỉ tiêu) theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND tỉnh, Kế hoạch 26/KH-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 11,4% (đầu năm 2016) xuống còn 5,82%, tỷ lệ hộ cận nghèo từ 8,4% xuống còn 5,91%. Tuy vậy, công tác giảm nghèo vẫn còn một số hạn chế, kết quả giảm nghèo hàng năm chưa tương xứng với với tình hình tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn cao hơn so với mặt bằng chung của cả nước, chất lượng giảm nghèo chưa bền vững; việc xác nhận, phân loại hộ nghèo và nguyên nhân chưa thực sự chính xác dẫn đến một số chính sách chưa đi vào thực tiễn, chưa đảm bảo quyền lợi thiết thực cho người nghèo.

Kết quả phân loại hộ nghèo cho thấy: Tổng số 21.969 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 5,82%) có 10.834 hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội chiếm 2,87%; có 477 hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công chiếm 0,13%; có 3.698 hộ nghèo có thành viên hộ ngoài độ tuổi lao động (trên 60 tuổi) chiếm 0,98%; đây là những hộ nghèo chủ yếu thiếu hụt về thu nhập, nếu không có chính sách hỗ trợ sẽ không có khả năng vươn lên thoát nghèo.

Theo kết quả rà soát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu và các nội dung đề ra tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh cho thấy nguồn lực để thực hiện chương trình không đảm bảo, cụ thể: (1) Về nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 từ ngân sách Trung ương[[1]](#footnote-1) (501,005 tỷ đồng) thấp hơn so với dự toán ngân sách theo Nghị quyết HĐND tỉnh (919,491 tỷ đồng); nguồn ngân sách địa phương chưa được bố trí; (2) Một số chính sách, giải pháp được quy định tại Nghị quyết thực hiện chưa đầy đủ, chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên đối với hộ nghèo, người khuyết tật chưa cụ thể…;

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên nhằm thực hiện thành công chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

 Xác nhận, đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2018; nhiệm vụ, giải pháp 2019 - 2020 theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; Trên cơ sở đó quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2025; huy động nguồn lực hỗ trợ công tác giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Làm cơ sở pháp lý để quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững.

**2. Quan điểm**

Việc quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ công tác giảm nghèo phải đảm bảo nguyên tắc thể chế hóa các văn bản pháp luật của trung ương, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, huyện, thành phố, thị xã kiểm tra, rà soát, đánh giá, xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2018; nhiệm vụ, giải pháp 2019 - 2020 theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh; báo cáo và quyết định phê duyệt kết quả phúc tra hộ nghèo năm 2018.

Căn cứ kết quả báo cáo, các quy định pháp luật liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy trình, quy định pháp luật (có Báo cáo số 68/BC-SLĐTBXH ngày 09/7/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kèm theo).

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục:**

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều

- Điều 1.Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2018; nhiệm vụ, giải pháp 2019 - 2020 theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh (có báo cáo kèm theo).

- Điều 2. Quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Điều 3:Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội;

- Điều 4.Tổ chức thực hiện.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

2.1. Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2018; nhiệm vụ, giải pháp 2019 - 2020 theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh (có báo cáo kèm theo).

2.2. Điều 2:Quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

a. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

- Hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng. Thành viên hộ nghèo (thuộc hộ có thành viên là người có công với cách mạng), bao gồm: Người từ đủ 60 tuổi trở lên; Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng (có giấy xác nhận theo quy định của Luật Người khuyết tật); Người bị các bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại Nghị định số 134/2016 ngày 01/9/2016 của Chính phủ (có giấy xác nhận của cơ sở y tế từ tuyến tỉnh trở lên) không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng đối với người có công, cùng hộ khẩu và có mối quan hệ thân thích với người có công và gồm: Cha, mẹ, vợ (chồng), con.

- Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng hoặc có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 5, Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và tại Khoản 2, Điều 18, Luật Người cao tuổi.

b. Mức hỗ trợ

Trợ cấp hàng tháng: 750.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn, 950.000 đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị (bao gồm các khoản trợ cấp xã hội hàng tháng đang hưởng).

c. Thời gian thực hiện: 2019 - 2025

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn đảm bảo xã hội (Nguồn kinh phí trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng đối với đối tượng Bảo trợ xã hội) trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương hàng năm.

2.3. Điều 3:Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội

a. Giao Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nhân, doanh nghiệp, tiếp tục xây dựng, triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo.

b. Ngoài kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và tổ chức đoàn thể các cấp mở cuộc vận động *“gia đình, con cháu, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, đỡ đầu, hỗ trợ thu nhập cho các thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội*” đảm bảo mức thu nhập tối thiểu hàng tháng của các thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội không thấp hơn mức chuẩn nghèo do Chính phủ quy định.

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được quy định tại Điều 2, Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là: 1,4555 tỷ đồng/tháng (17,466 tỷ đồng/năm); nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn đảm bảo xã hội (Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội) trong tổng dự toán chi cân đối ngân sách địa phương hàng năm phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã thực hiện chi trả qua hệ thống Bưu điện.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tại Kỳ họp lần thứ 10, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như trên;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Chánh VP, PVP Trần Tuấn Nghĩa;- Sở Lao động - TBXH;- Trung tâm TT-CB-TH;- Lưu: VT, VX1. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Đặng Quốc Vinh** |

1. Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017; Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-1)